

## SỰ BIẾN ĐỔI KINH TẾ - MÔI TRƯỜNG Ở VÙNG NGƯỜI RAGLAI HIỆN NAY

Trương Văn Món

Trường Đại học Xã hội &amp; Nhân văn, ĐHQG-HCM

**TÓM TẮT:** Bằng phương pháp Nhân học, bài này trình bày sự biến đổi môi trường, kinh tế của người Raglai ở Việt Nam hiện nay. Cụ thể, phân tích những biến đổi về vấn đề quân lí, sử dụng tài nguyên rừng, đất đai, nguồn nước, canh tác nước rẫy, chăn nuôi từ truyền thống đến hiện đại. Kết quả nghiên cứu cho thấy, từ sau năm 1975 đến nay, vùng Raglai được Đảng- Nhà nước quan tâm nên có bước phát triển mới về mọi mặt kinh tế, văn hoá, xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển có một số vấn đề bất cập. Vì thế, bài viết này mong muốn đóng góp những chứng cứ khoa học cho các ngành chức năng có thể tham khảo để khắc phục những điều bất cập, từ đó mà có kế hoạch gìn giữ môi trường và phát triển kinh tế bền vững ở vùng người Raglai hiện nay.

**Keywords:** Raglai, kinh tế, môi trường, phát triển, bền vững.

Người Raglai nói ngôn ngữ Malayo-Polynesia. Raglai là tên tự gọi chính thức của họ (ra hoặc urang/orang: có nghĩa là “người”; glai: “rừng”. Raglai: Người sống ở rừng). Người Kinh gọi người Raglai là Rắc Lai, còn người Trinh (nhóm địa phương của dân tộc Koho) gọi người Raglai là Pakle. Ngày nay tên Raglai có nhiều cách phiên âm khác nhau trong nhiều tư liệu sách báo ở trong nước và ngoài nước như Ra Glai, Radlai, Roglai, Raglay, Rắc Lai, v.v... Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, người Raglai ở Việt Nam có dân số 122.245 người, cư trú tại 18 tỉnh trên tổng số 63 tỉnh, thành như Ninh Thuận (58.911 người), Khánh Hòa (45.915 người), Bình Thuận (15.440 người), Lâm Đồng (1.517 người), Đắk Lắk (98 người), Gia Lai (50 người) và thành phố Hồ Chí Minh (75 người).

Từ sau năm 1975 đến nay Đảng - Nhà nước đã có nhiều chính sách để phát triển vùng Raglai. Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt

được, ở vùng người Raglai còn nổi lên một số vấn đề trong quá trình phát triển. Ở phạm vi bài này chúng tôi chỉ trình bày một số vấn đề trong việc biến đổi môi trường, kinh tế của người Raglai hiện nay.

Để thực hiện bài nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp Nhân học như điền dã, phỏng vấn sâu, quan sát tham dự để thu thập tài liệu tại địa bàn người Raglai sinh sống. Từ đó phân tích sự biến đổi về môi trường - sinh thái cũng như vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của cư dân ở đây. Qua đó, bài viết rút ra những nhận định mới về việc hoạch định chính sách làm sao cho phù hợp đối với phong tục tập quán, trình độ phát triển của người Raglai một cách bền vững trong quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá ở Việt Nam.

**Sự biến đổi môi trường sinh thái***Môi trường sinh thái tự nhiên*

Người Raglai chủ yếu sinh sống ở rừng núi có độ cao từ 500m trở lên (so với mặt nước

biển) kéo dài từ vùng núi Phía Tây Khánh Hòa qua vùng tây Bắc tỉnh Ninh Thuận, phần Tây và Tây Nam tỉnh Bình Thuận giáp giới phía Đông tỉnh Lâm Đồng. Đây là địa bàn núi non hiểm trở thuộc dãy Trường Sơn Nam, nó cũng là đường biên làm cầu nối giữa Tây Nguyên và vùng cực Nam Trung Bộ.

Khí hậu vùng này có hai mùa mưa nắng rõ rệt. Mùa mưa ở đây kéo dài 3 tháng, từ tháng 9-12, chiếm 84,38% lượng mưa cả năm, tập trung chủ yếu từ 9-11. Lượng mưa trung bình hàng năm 1.500 – 2.000mm. Hiện nay do rừng bị khai thác cạn kiệt, độ che phủ thấp cho nên thời tiết diễn biến thất thường, nhiệt độ tăng cao, trung bình 25-27°C, độ ẩm không khí trung bình 80%. Sau tháng 12 đến cuối tháng 8 năm sau là mùa khô hạn.

Vùng Raglai có nhiều con suối bắt nguồn từ những khe núi. Chính nguồn nước của những con suối này đã tạo nên hai dòng sông lớn như sông Pha (*Krong Ugha*) ở Ninh Thuận và sông Cầu (*Krong Ina*) ở tỉnh Khánh Hoà. Hai dòng sông này đã đem lại nguồn nước tưới tiêu chính cho vùng đồng bằng Ninh Thuận và Diên Khánh – Khánh Hoà. Ở vùng người Raglai xã Khánh Phú - Khánh Hoà còn có một thác lớn mà người Raglai gọi là *Sa Rting*, công ty du lịch tự đặt lại tên là thác “Yang Bay,” bây giờ trở thành khu du lịch nổi tiếng ở tỉnh Khánh Hoà.

Vùng Raglai còn nhiều núi và thung lũng và nổi tiếng là núi Chúa ở Ninh Thuận cao 800m và núi Hòn Bà ở Khánh Hoà cao 1.500m. Bên cạnh núi là rừng. Hầu hết rừng ở vùng Raglai là kiểu rừng mưa ẩm nhiệt đới, chủ yếu là cây lá

nhỏ mọc ở vùng thấp, độ cao dưới 1000m so với mặt nước biển. Đây là kiểu rừng phục sinh sau khai thác, làm rẫy. Ở đây phổ biến các loại thực vật và động vật, trong đó nổi bật những cây gỗ quý hiếm được biết đến như cây gỗ mun, căm xe (*kayou pah salapuh*), gỗ đỏ (*kayou kuh*), trầm hương (*gahlou*), song mây (*hawai*), tre (*krom*), là a (*la a*), hồ tiêu (*mraik kalu*), ... . Các loại rau rừng mà người Raglai thường hái để ăn hàng ngày như rau rịa (*njam biak*), đọt lá lươn (*paduh tanung*). Các loại thuốc chữa bệnh cho người và động vật như cây *kayou taruei* dùng để trị bệnh cho heo các loại cây thuốc chữa bệnh cho người như *kayou jrao mbou* dùng để trị đau đầu; cây *kayou padop*, *kinin* dùng để trị sốt rét, thuốc *kayou yoke* dùng cho phụ nữ uống khi sinh con; các loại cây lá *hala bloh* (cây sa nhân) và *hala biloh maroh* (cây sơn nam) dùng để uống tăng lực ...<sup>10</sup> Bên cạnh thực vật, rừng ở đây còn có nhiều động vật như hươu, nai (*rusa*), cọp (*rumong*), khỉ (*kror*), thỏ (*tupoi*), chồn và con ong (*daliko*)<sup>11</sup>.

Nói chung, môi trường sinh thái ở đây đa dạng. Địa hình chủ yếu là rừng núi, khí hậu khắc nghiệt, nắng nóng, độ ẩm cao, và kiểu mưa rừng nhiệt đới đã tạo ra môi trường sinh thái ở đây có đặc điểm riêng biệt. Vì vậy ở đây sản sinh ra nhiều loại cây và con vật quý hiếm mang tính địa phương ít nơi nào có như các loại gỗ gỗ đỏ, trầm hương, sa nhân, song mây...

<sup>10</sup> Tư liệu do ông Cao Klong, 65 tuổi, người Raglai và ông Hà Quang, 49 tuổi, người Trinh xã Khánh Phú – Khánh Hoà cung cấp ngày 27/7/2010.

<sup>11</sup> Từ Raglai chúng tôi phiên âm theo cuốn Maxwell và Vurnell Cobbey, *Ngữ vựng Raglai*, Viện Ngôn ngữ mùa hè, USA, 1970.

Đó là những sản phẩm quý giá có giá trị xuất khẩu cao được nhắc nhiều trong tư liệu lịch sử, góp phần thúc đẩy kinh tế Đảng Trong của Việt Nam phát triển rực rỡ từ thế kỉ 17-19.

#### **Người Raglai ứng xử với môi trường tự nhiên**

Người Raglai như giải thích ở trên là “người rừng”. Vì thế họ yêu rừng, gắn bó với rừng và luôn ứng xử tốt với rừng. Ví dụ, chúng ta thử xem xét địa bàn cư trú của người Raglai ở xã Khánh Phú – Khánh Hoà. Đó là một cụm làng nằm trong thung lũng, xung quanh bao bọc bởi đồi núi. Không gian sinh tồn này được người Raglai bố trí làm ba vùng như sau:

- Vùng đất thấp trong thung lũng (1): Đất bằng (độ cao 50 - 60m) là nơi làm nhà ở, sinh hoạt nghỉ ngơi, tổ chức nghi lễ hội hè.

- Vùng đồi thấp (2): Đất đồi (độ cao từ 200-500m), nơi làm rẫy, trồng hoa màu như bắp lúa, khoai mì, cây công nghiệp. Những vùng ven chân đồi thấp, nơi tiếp giáp giữa vùng 2 và 3 thường có những con suối nhỏ chảy qua, người Raglai dùng làm đồng cỏ chăn nuôi gia súc và cũng là nơi có nhiều rau rừng, măng tre làm thức ăn hàng ngày.

- Vùng núi cao (3): Núi *Kan*, núi *Iting*, núi *Anong Gui* đều nằm ở lớp ngoài cùng là đường biên che chắn dân làng của xã. Nơi đây là rừng sâu, nhiều cây gỗ to, quý hiếm và các loại song mây, cây thuốc dân gian và cũng nơi sinh sống của các loài động vật. Vùng này là nơi người Raglai thường đến chặt gỗ làm nhà, làm công cụ sản xuất, săn bắn, tìm cây thuốc chữa

bệnh<sup>12</sup>... Đó là hình thức cư trú, giữ rừng, khai thác rừng truyền thống của người Raglai.

#### **Sự biến đổi môi trường sinh thái rừng**

Trước năm 1975, mặc dù có chiến tranh nhưng môi trường sinh thái chưa bị phá vỡ nhiều, vùng Raglai ở dọc dãy Trường Sơn vẫn còn những khu rừng nguyên sinh trở thành nơi che chở bộ đội trong suốt những năm tháng chống Pháp- Mỹ cứu nước. Chẳng hạn khu rừng Bác Ái, Núi Chúa (Ninh Thuận), khu rừng Hòn Bà, Hòn Dù, Tô Hạp (Khánh Hoà) đã trở thành khu căn cứ cách mạng nổi tiếng... Sau năm 1975, môi trường sinh thái ở vùng Raglai có biến đổi hơn so với trước. Việc này bắt nguồn từ vấn đề di dân, hình thành khu vực kinh tế mới và lâm trường của nhà nước. Chiếu theo luật đất đai được nhà nước qui định: “đất đai là thuộc sở hữu toàn dân nhưng nhà nước thống nhất quản lí” cho nên tất cả những khu đất rừng xưa thuộc khu vực người Raglai sinh sống và canh tác đã đưa vào quy hoạch phát triển kinh tế chung. Chẳng hạn, ở xã Khánh Phú- Khánh Hoà, ngoài hàng trăm ngàn ha rừng tự nhiên, hiện nay chỉ còn 10 ngàn ha rừng trồng được nhà nước phân cho 3 chủ rừng quản lí ở 3 khu vực: Công viên du lịch Yang Bay thuộc Tổng công ty Khánh Việt quản lí, khai thác 570 ha, Công ty Lâm nghiệp Trầm Hương là 1.309,00 ha, Công ty Lâm sản Khánh Hoà là 6.700 ha, số còn lại khoảng 30 ha thuộc UBND xã Khánh Phú quản lí<sup>13</sup>. Bên cạnh khai thác rừng, Công viên du lịch Yang

<sup>12</sup> Tư liệu phỏng vấn nhóm già làng người Raglai tại thôn Nước Nhĩ (*Palei Ia Ita*), xã Khánh Phú, Khánh Hoà ngày 29/7/2010.

<sup>13</sup> Theo số liệu Báo cáo của UBND xã Khánh Phú – Khánh Hoà 6/2011.

Bay còn sử dụng đất để nuôi khoảng 5.544 con cá sấu (*Crocodylus siamensis*) để khai thác du lịch. Tất cả mô hình quy hoạch này đã làm thay đổi hình thái cư trú, môi trường sinh thái ở vùng người Raglai hiện nay.

### Sự biến đổi kinh tế

Kinh tế truyền thống của người Raglai chủ yếu là làm rẫy, săn bắn, hái lượm và khai thác lâm sản ngoài gỗ (tre, lồ ô, song mây). Ngày xưa, người Raglai sống du canh, du cư ở vùng núi, luân phiên theo chu kỳ canh tác, cứ 3-5 năm quay lại làng cũ một lần. Kỹ thuật canh tác chủ yếu là phát rẫy ở vùng đất ven chân đồi và sườn đồi, chờ nước mưa về rồi chọt đất để trồng bắp, lúa và mì là chính. Ngoài ra họ còn có tập tục săn bắn, hái lượm và chăn nuôi. Đặc biệt người Raglai đến nay vẫn chưa biết làm nghề buôn bán và dịch vụ. Trong các làng Raglai chủ yếu là quán người Kinh bán những tạp hóa, nhu yếu phẩm như gạo, cá, khô, mắm muối, bột ngọt, thuốc lá, rượu và áo quần, giày, dép, v.v. Hình thức buôn bán đa số chủ quán người Kinh bán hàng chịu (mua hàng khác nợ trả tiền sau) cho người Raglai, đến mùa thu hoạch người Raglai bán lại sản phẩm bắp, lúa cho chủ quán người Kinh để trừ nợ<sup>14</sup>.

Sau năm 1975, với sự hỗ trợ nhà nước, nhất là chương trình định canh định cư, chương trình 134, 135, 174 đã làm thay đổi kinh tế, đặc biệt là thay đổi phương thức canh tác và cả cơ cấu cây trồng vật nuôi ở vùng Raglai. Hiện nay, kinh tế người Raglai có bước phát triển mới nhưng vẫn còn nhiều hộ nghèo. Theo Báo

cáo của xã Khánh Phú- Khánh Hòa năm 2009, mỗi hộ Raglai đều có đất rẫy trung bình khoảng 1-5 sào. Chăn nuôi không đáng kể. Toàn xã có 648 hộ nhưng chỉ có 675 con bò, 9 con trâu, 155 con dê, 395 con heo. Thu nhập bình quân thấp, mỗi hộ trung bình 1 năm thu nhập dưới 4 triệu. Đa số dân đi làm thuê kiếm sống. Toàn xã hiện nay có 283 hộ nghèo. Theo chuẩn nghèo của Trung ương mỗi người thu nhập bình quân khoảng 200.000 đồng trên một tháng là được liệt kê vào danh sách hộ nghèo<sup>15</sup>.

Theo báo cáo Ủy ban Dân tộc Miền núi (UBDTMN) tỉnh Ninh Thuận, hiện nay ở vùng Raglai đang có sự biến đổi về cơ cấu cây trồng, chủ yếu là cây lúa nước, cây công nghiệp, hoa màu và cây ăn trái. Trong đó cây lương thực chiếm tỷ lệ 56%, cây công nghiệp gần ngày và cây thực phẩm chiếm tỉ lệ 18%. Trong diện tích gieo trồng cây lương thực, bắp đạt 10.630 ha, chiếm 72,4% diện tích toàn tỉnh, diện tích cây lúa nước có tăng nhưng không đáng kể, cây công nghiệp chủ yếu là cây keo, cây mì, thuốc lá, bông vải. Về chăn nuôi chủ yếu là nuôi bò, heo, dê, gà<sup>16</sup>.

Báo cáo của xã Khánh Phú – Khánh Hòa cũng nêu tình hình chuyển biến cây trồng vật nuôi trong 6 tháng đầu năm ở vùng Raglai như sau: Trồng trọt có tổng diện tích đất gieo trồng 790 ha, trong đó cây lương thực hàng năm bao

<sup>14</sup> Phỏng vấn ông Trần Kim Dinh, 1974, tại thôn Ngã Hai, xã Khánh Phú, Khánh Hòa.

<sup>15</sup> Xem số liệu số 1: Báo cáo *Tình hình Kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2010* của UBND xã Khánh Phú-Khánh Hòa, số 072/BC-UBND ra ngày 10/06/2010, tr. 2-3.

<sup>16</sup> Báo cáo *Tình hình Kinh tế - xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số Miền núi giai đoạn (2005-2010) và phương hướng nhiệm vụ giai đoạn (2011-2015) của tỉnh Ninh Thuận*, số 07/BC-BDT ra ngày 01/02/2010).

gồm lúa nước 52ha, bắp 160ha. Cây công nghiệp khoảng gần 300 ha bao gồm cây mì 90 ha, đậu 94 ha, lạc 3 ha. Riêng cây keo và cây điều tổng cộng hơn 100ha ... Về chăn nuôi có tổng đàn gia súc khoảng 1,095 con, bao gồm trâu 10 con, bò 660 con, heo 425 con. Ngoài ra nhà nước còn cung cấp giống bắp T7 680 kg, giống bắp LVN10 880kg, lúa cạn 392kg, phân NPK 204 kg, thuốc cỏ 1,7 lít<sup>17</sup>....

Nhìn số liệu thống kê nêu trên cho thấy, kinh tế Raglai hiện nay chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi. Cây trồng truyền thống vẫn được phát huy như cây bắp, mì, chăn nuôi bò, heo, gà. Tuy nhiên, vắng bóng đi nghề khai thác rừng vốn là thế mạnh của người Raglai. Ngược lại nhà nước du nhập vào vùng Raglai cây công nghiệp như mía, cây keo, cây điều và lúa nước. Đây là những loại cây công nghiệp đòi hỏi kỹ thuật canh tác cao chưa thích hợp với trình độ sản xuất của người Raglai hiện nay. Ví dụ gia đình ông Cao Klong, người Raglai được nhà nước cho vay 10 triệu đồng năm 2008 để trồng cây keo công nghiệp ở rẫy khoảng 2ha. Khi vay tiền nhà nước, dưới sự hướng dẫn của cán bộ, ông cũng bỏ ra 5 triệu đồng để mua cây keo giống ở lâm trường để trồng. Tuy nhiên do kỹ thuật trồng, chăm bón không đạt hiệu quả cho nên đến năm 2010 rẫy cây keo của ông Cao Cà Long chỉ còn khoảng hơn 10 cây sống sót. Hơn nữa, đặc tính của loài cây công nghiệp thường là lâu năm (từ 2-5 năm) mới có thể thu hoạch, trong khi đó tập tục canh tác cây trồng truyền thống của người Raglai rất ngắn khoảng 3-6 tháng là thu hoạch để kịp trang trải kinh tế gia

đình. Do đó, có một số người Raglai cũng trồng được cây công nghiệp như cây keo, cây điều nhưng do kinh tế khó khăn, cây trồng chỉ được vài năm, chưa đủ tuổi thu hoạch nên đã bán rẻ cây non để lấy tiền trang trải cuộc sống. Chẳng hạn họ thường bán cây non để lấy tiền mua gạo ăn trong những tháng đói, giáp hạt; bán cây non để lấy tiền chữa bệnh; bán cây non để lấy tiền mua xe Honda, Tivi hoặc tổ chức đám cưới cho con... Đó là những trường hợp thường xảy ra phổ biến ở vùng Raglai hiện nay. Một số trường hợp khác, do xung quanh đất rẫy của họ ai cũng trồng cây công nghiệp, riêng họ không biết canh tác loại cây đó nên chỉ trồng cây truyền thống như bắp, lúa nhưng không hiệu quả nên bán đất, cuối cùng họ mất đất, chấp nhận đi làm thuê hàng ngày để kiếm sống<sup>18</sup>.

Ngoài những loại cây công nghiệp nêu trên, cây lúa nước cũng là đối tượng đáng chú ý đang được nhà nước vận động và khuyến khích người Raglai canh tác. Rõ ràng lúa nước vốn không phải là cây trồng truyền thống của người Raglai cho nên bà con không thích trồng lúa, chỉ có vài hộ cán bộ người Raglai hưởng ứng việc trồng lúa do nhà nước vận động. Vì vậy diện tích lúa nước ở vùng Raglai hiện nay mặc dù chính quyền địa phương khuyến khích bà con khai hoang, chuyển đổi từ đất rẫy thành ruộng nước nhưng không đáng kể. Ví dụ, toàn xã người Raglai ở Khánh Phú- Khánh Hoà năm 2009, chỉ có khoảng 47ha lúa nước. Ông Chiêu

<sup>17</sup> Xem số liệu số 2, Sdd.

<sup>18</sup> Tư liệu điền dã, phỏng vấn tại vùng người Raglai xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh, Khánh Hoà từ ngày 28/4 đến ngày 5/5/2010.

Đình Khánh<sup>19</sup> được phỏng vấn ngày 2/5/2010 cho biết như sau:

*Ngày xưa, người Raglai không làm lúa nước mà chỉ làm lúa rẫy. Lúa nước chỉ mới làm từ mấy năm gần đây (từ năm 2000), nhà nước làm hệ thống thủy lợi ở xã này vào năm 1999. Hiện nay, riêng thôn Sơn Thành chỉ có 4 ha ruộng lúa nước, nhà tôi có làm 1,2 sào, thu hoạch mỗi mùa 10 bao (khoảng 500kg). Ruộng tôi thường gieo giống lúa mới ngắn ngày loại (R55- R35) do nhà nước cấp, khoảng 3 tháng thì thu hoạch. Làm ruộng phải bón phân hóa học. Tôi thường bón phân Đầu trâu, một vụ bón khoảng 50kg/1sào. Ngoài phân hóa học, khi làm ruộng nước cần phải dùng thuốc xịt cỏ, thuốc trừ sâu Basudin để bảo vệ cây lúa, đảm bảo năng suất.*

*Ông kể tiếp:*

*Ngày xưa người Raglai chỉ trồng lúa rẫy và có nhiều loại giống sau: padai suak (lúa đỏ), padai malak, padai wak (hột trắng), padai pasơ (lúa hạt trắng, dài nhỏ). Đó là những giống dài ngày, trồng trên rẫy, khoảng 6 tháng mới thu hoạch một lần. Lúa này mặc dù năng suất không cao nhưng dễ trồng, chịu hạn tốt, không cần bón phân hóa học sử dụng thuốc trừ sâu diệt cỏ nên ăn thơm, dẻo. Nhân dân gọi lúa này là lúa sạch, ăn bảo đảm cho sức khỏe .*

Sự thật cây lúa nước rất khó thích ứng ở vùng Raglai. Vì canh tác lúa đòi hỏi kỹ thuật cao, từ khâu cày bừa, gieo lúa, giữ nước ở ruộng cho đến việc làm cỏ, bón phân xịt thuốc đòi hỏi phải có sự tính toán chính xác, tỉ mỉ. Điều này rất khó khăn đối với trình độ với người Raglai. Vì vậy, có một số trường hợp ở vùng Raglai, lúa đã gần chín nhưng họ lại đem phân đi rải cho lúa. Điều này là phản tác dụng, loại giống lúa 3 tháng chỉ hấp thụ phân có hiệu

quả khi lúa mới trồng khoảng từ 20 -40 ngày, sau 60 ngày lúa đã trở bông nên rải phân không có tác dụng. Ở vùng Raglai cũng có một số trường hợp, nhà nước cấp phân cho họ bón lúa nhưng họ không biết sử dụng như thế nào cho nên phân bón vẫn để trong nhà năm này qua năm khác để làm kỉ niệm.

Mặt khác, nếu phát triển cây lúa nước ở vùng Raglai thì kinh tế ở đây sẽ không bền vững và không phát huy được thế mạnh của kinh tế miền núi. Vì địa hình miền núi không bằng phẳng, diện tích eo hẹp, khó khăn trong việc khai thác thủy lợi, nếu làm được lúa cũng tốn kém, mất công sức. Xét về mặt khoa học, lúa nước, đặc biệt là giống lúa ngắn ngày (3 tháng) sẽ làm đảo lộn chu kì sản xuất truyền thống của người Raglai. Thời tiết miền núi ở đây lại không phù hợp với lúa ngắn ngày và loại lúa này đòi hỏi kỹ thuật chăm sóc cao. Hơn nữa làm lúa ngắn ngày đòi hỏi phải sử dụng, phân bón, thuốc trừ sâu mới bảo đảm năng suất, từ đó gây ra tác dụng ngược, lúa gạo nhiễm chất hóa học, ăn không tốt cho sức khoẻ. Xa hơn nữa, vấn đề xịt thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ để bảo vệ lúa sẽ làm ô nhiễm môi trường vốn đang trong lành ở đây.

Thế giới đang cảnh báo về an toàn lương thực, không sử dụng chất hóa học để trồng lúa, rau quả, thức ăn cho con người. Việt Nam cũng đang cảnh báo về tình trạng ngộ độc thức ăn hàng ngày nhưng dự án nhà nước lại du nhập, khuyến khích bà con dân tộc dùng chất hóa học trong canh tác lúa là điều phải xem lại. Thiết nghĩ nếu nhà nước quyết tâm phát triển trồng lúa nước ở vùng Raglai để giải quyết nguồn

<sup>19</sup> Chiêu Đình Khánh, 65 tuổi, người Raglai, thôn Sơn Thành, xã Khánh Phú, Khánh Hòa nguyên là chủ tịch UBND xã Khánh Phú.

lượng thực tại chỗ thì nên khuyến khích bà con ở đây duy trì lúa truyền thống 6 tháng. Vì đây là giống lúa bản địa, thích hợp với khí hậu địa phương, kháng được sâu rầy, không cần sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu mà chỉ sử dụng phân chuồng. Đây mới thực sự là “lúa sạch”, ăn để chữa bệnh, bảo đảm sức khỏe con người. Ít ra nhà nước nên quy hoạch duy trì và phát triển loại lúa truyền thống này thành thương hiệu “lúa sạch” mặc dù lúa này năng suất không cao nhưng có thể tăng giá thành để bù lại. Cùng với “lúa sạch”, ở vùng Raglai cũng nên quy hoạch để trồng “rau sạch” (rau không sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu). Từ đó có thể hướng hai mặt hàng có giá trị này (lúa sạch và rau sạch) vào thị trường trong nước và ngoài nước. Vì đây là hai mặt hàng chủ yếu mà các nước tiên tiến trên thế giới đang cần. Chẳng hạn, nông dân Mã Lai hiện nay chuyên xuất khẩu “rau sạch” sang nước châu Âu thu lợi nhuận đáng kể trong nền kinh tế Malaysia hiện nay.

Nói chung, ngoài việc trồng “lúa sạch” và “rau sạch”, thế mạnh kinh tế ở vùng Raglai vẫn là khai thác rừng và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Để làm được điều này chúng ta nên tiếp thu tri thức bản địa, nghiên cứu cây trồng, vật nuôi truyền thống như nuôi lợn rừng, hươu nai, mật ong và trồng các loại cây như trầm hương, song mây, sa nhân, hồ tiêu ... Đây là những mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao sang các nước châu Á mà người Chăm và thời Chúa Nguyễn ở Đàng Trong ở miền Trung Việt Nam đã từng một thời đã khai thác để xuất khẩu, thu lại nhiều ngoại tệ cho đất nước. Làm được điều này, mới có thể hướng đến phát triển một nền kinh tế

bền vững phù hợp với sắc thái kinh tế truyền thống của người Raglai ở vùng núi Việt Nam.

### **Quan điểm phát triển bền vững ở vùng Raglai**

Ngày nay, trong xu thế phát triển bền vững của một quốc gia, vấn đề môi trường - con người - tri thức bản địa là những yếu tố quan trọng cần được tính đến. Không phải ngẫu nhiên mà 1998, Ngân hàng Thế giới (World Bank) đã thiết lập chương trình “tri thức bản địa cho sự phát triển”. Chương trình này có mục đích học tập từ các tri thức địa phương phục vụ cho dự án phát triển cộng đồng tại chỗ. Ngân hàng thế giới tuyên bố rằng họ cần trao cho những người trên thế giới cái quyền không chỉ tiếp nhận tri thức khoa học phát triển mà họ phải là những người trực tiếp đóng góp và nắm vai trò chủ đạo trong phát triển của chính họ. James D. Wolfensohn, Chủ tịch của ngân hàng thế giới cho rằng: “Tri thức bản địa là phần không thể thiếu trong văn hóa và lịch sử của cộng đồng địa phương. Chúng ta cần thiết phải học hỏi từ cộng đồng địa phương để có thể thúc đẩy sự phát triển.

Đối với ta, dự án nhà nước thường áp dụng mô hình triển khai “từ trên xuống” bằng công văn, nghị quyết, chỉ thị vượt ra sức hiểu biết của bà con dân tộc thiểu số. Hơn nữa, qua nhiều đợt khảo sát về vấn đề phát triển vùng đồng bào các tộc người thiểu số ở Miền Trung và Tây Nguyên cho thấy, khi thực hiện dự án đa số quan chức chính quyền địa phương đều chạy theo mô hình phát triển hiện đại mà bỏ qua yếu tố truyền thống. Hầu hết cán bộ lãnh đạo, điều hành dự án luôn nhìn văn hóa bà con

dân tộc là lạc hậu, cần bước tiến xã hội nên cần phải thay đổi nhanh bằng những tri thức mới hiện đại. Từ đó nhiều dự án nhà nước thực hiện mấy năm quan ở vùng dân tộc thiểu số không đạt kết quả mỹ mãn.

Một vấn đề khác cần chú ý khi phát triển vùng người Raglai, đó là cần tránh cách nhìn duy ý chí. Vì lịch sử cũng như Karl Marx đã chỉ ra rằng, từ loại hình kinh tế này muốn chuyển sang một loại hình kinh tế khác con người phải mất ít nhất hàng trăm năm mới thích ứng. Thế nhưng, người Raglai hiện nay mới chỉ đang trong thời kì xã hội tiền giai cấp với hoạt động canh tác nương rẫy ở vùng núi là chính nhưng hiện nay nhà nước thường áp dụng mô hình, dự án kinh tế mới kiểu VAC của người Kinh ở đồng bằng Bắc Bộ. Vì vậy dự án chưa mang lại kết quả cao.

Một vấn đề khác cũng góp phần quan trọng không kém đã đưa đến cho nhiều dự án phát triển kinh tế - xã hội ở vùng người Raglai ít thành công. Đó là thông qua các dự án, nhà nước du nhập quá nhanh, quá nhiều cái mới, cái xa lạ vào vùng Raglai đã làm đảo lộn phong tục và lối sống của họ, dẫn đến “cú sốc văn hóa và tâm lí”. Họ trở thành người bị động, thờ ơ trong mọi chương trình do nhà nước tự phát động. Từ đó, nảy sinh ra tư tưởng “ý lại”, “ăn ngồi chờ nhà nước tài trợ” và những cụm từ này nhanh chóng trở thành những cụm từ rất phổ biến được một số cán bộ nhà nước đặt ra để gán cho các dân tộc thiểu số hiện nay. Hơn nữa, sự biến đổi nhanh chóng làm cho người Raglai mất đi nền tảng căn bản, không đủ sức để gìn giữ bản thể của

mình. Hậu quả, bản sắc văn hóa truyền thống của họ đã và đang bị cuốn trôi, hòa tan vào nền văn hóa lớn đang nắm vai trò chủ thể.

Như vậy, muốn gìn giữ tốt môi trường, phát triển kinh tế bền vững thì trước tiên phải hiểu được tri thức bản địa, văn hóa truyền thống của người Raglai. Để có được điều này chúng ta cần phải nhờ vào kết quả khảo sát của các chuyên gia khoa học của nhiều ngành, trong đó có ngành Nhân học. Kinh nghiệm ở các nước Phương Tây như Pháp, Mỹ, Anh hoặc một số nước ở châu Á như Mã Lai, Nhật Bản, trước khi thực hiện bất kì một dự án nào, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, họ đều dựa vào kết quả khảo sát của chuyên gia Nhân học về dân tộc đó để lập dự án và làm cố vấn. Điển hình là *Dự án phát triển đồng bào tại chỗ khu tái định cư Nhà máy Thủy điện Đại Ninh – Lâm Đồng* (Nhật Bản tài trợ, 2002-2005), *Dự án tái định cư Thủy lợi Phan Rí-Phan Thiết – Bình Thuận* (Nhật Bản tài trợ, 2002-2005), *Dự án phát triển đồng bào tại chỗ huyện Mang Yang – Gia Lai* (Nhật Bản tài trợ, 2009-2011). Từ những kinh nghiệm nêu trên, giải pháp cho dự án nhà nước để phát triển kinh tế – môi trường ở vùng Raglai hiện nay có thể là: Dự án thành công = Tri thức hiện đại + Tri thức bản địa (văn hóa truyền thống). Từ đó dự án mới có thể phát triển bền vững, vừa phát triển kinh tế, vừa giữ được môi trường sinh thái và bảo tồn được bản sắc văn hóa từng tộc người, tránh sự nhất thể hóa trong nền kinh tế hiện đại, cuối cùng làm thui dột và hòa tan bản sắc văn hóa tộc người trong văn hóa toàn cầu hiện nay.



Mấy năm gần đây nhà nước đầu tư phát triển nhiều dự án ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và người Raglai nói riêng, từ đó đời sống dân tộc thiểu số có phát triển rõ ràng, bộ mặt đổi mới mặc dù trong quá trình thực hiện có một số hạn chế. Trong quá trình hội nhập và tương tác hiện nay, vấn đề phát triển nguồn lực, vấn đề sinh thái, môi trường, đặc biệt vấn

đề dân tộc thiểu số được Đảng – Nhà nước và nhiều tổ chức khác quan tâm. Hy vọng trong tương lai với chính sách, đường lối đúng đắn của Đảng – Nhà nước, người Raglai ở Việt Nam sẽ phát triển nhanh, bền vững, xóa đói giảm nghèo để cùng cả nước thực hiện thành công đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam hiện nay.

## ECONOMIC AND ENVIRONMENTAL CHANGES IN THE AREA OF RAGLAI PEOPLE NOWADAYS

**Truong Van Mon**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

*ABSTRACT: By the method of anthropology, this page present on the environment and economic change of the Raglai people in Khanh Phu commune, Khanh Hoa province. Example, this page analyze on the change of resources of forest, soil, water, specially, the change of cultivate of milpa and cattle -breeding from tradition to morden. The result of this page shows that from after 1975 up to now, economy, culture, and society of the Raglai people have development. However, in developmental process there are some problems which need to review. So the paper will provide the scientific evidences for the functional departments have planned to preserve the ecological environment and to develop the sustainable economy in the region of Raglai people nowadays.*

*Keywords: Raglai, economy, environment, development, sustainability.*

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương, 2010. Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: Kết quả toàn bộ, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [2]. Báo cáo Tình hình Kinh tế - xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số Miền núi giai đoạn (2005-2010) và phương hướng nhiệm vụ giai đoạn (2011-2015) của tỉnh Ninh Thuận , số 07/BC-BDT ra ngày 01/02/2010.
- [3]. Báo cáo Tình hình kinh tế xã hội 5 năm (2005-2010) và Phương hướng đến năm 2015 của UBND xã Khánh Phú.

- [4]. Bộ chỉ huy quân sự Thuận Hải, 1991. *Thuận Hải 30 năm chiến tranh giải phóng*, Sở VH TT Thuận Hải, Phan Thiết.
- [5]. Georges Condominas, 2008. *Chúng tôi ăn rừng*, Nxb Thế giới, Hà Nội
- [6]. Hải Liên, 2008. “Tri thức bản địa của người Raglai”, trong cuốn kỉ yếu Hội thảo: *Vai trò tri thức bản địa trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường ở các cộng đồng dân tộc thiểu số*, Viện VHNT và Ninh Thuận tổ chức tại Phan Rang.
- [7]. Maxwell và Vurnell Cobbey, 1970. *Ngữ vựng Ragalai*, Viện Ngôn ngữ mùa hè, USA.
- [8]. Nhiều tác giả, 2000. *Khánh Hoà: Diện mạo văn hoá một vùng đất*, Tập 2, Bảo tàng Khánh Hoà- Phân Hội VNDG Khánh Hoà xuất bản, Nha Trang.
- [9]. Trần Nam Sơn- Lê Hải Anh (sưu tầm và tuyển chọn), 2001. *Những qui định về chính sách dân tộc*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
- [10]. Phan Đăng Nhật (chủ biên), 2003. *Luật tục Chăm và Luật tục Raglai*, Nxb VHDT, Hà Nội.
- [11]. Phan Sông Ngân, “*Truy lùng cá sấu đào tẩu*”, Vietbao.com, ra ngày thứ hai, 12/11/2007. *Rừng sông Cầu bị tàn sát*, Baodatviet.vn. cập 16/03/2009.
- [12]. Russel Bernard, H, 2009. *Các phương pháp nghiên cứu trong Nhân học*, Nxb Đại học Quốc gia Tp HCM.
- [13]. Sakaya, 2000. “Góp phần xác định mối quan hệ giữa người Chăm và Raglai qua một số dấu ấn văn hoá”, Hội nghị Quốc tế Lần 2 về văn hóa Raglai, Provence-Asia Pacific Institute of France và Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và Đông Nam Á- Trường Đại học KHXH&NV TP HCM tổ chức.
- [14]. Sakaya, 2001. “Rừng Yang của người Raglai”, Tạp chí *Văn hóa Các dân tộc*, số 05, tr. 25-31.
- [15]. Sakaya, 2003. “Nghề thủ công truyền thống của người Raglai Ninh Thuận”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 06, tr. 65-68.
- [16]. Sakaya, 2003. “Sử thi Udai-Ujac – một di sản văn hóa chung của người Chăm và Raglai”, Tạp chí *Văn hóa Dân gian*, Hà Nội, số 03, tr. 5-86 .
- [17]. Sakaya, 2010. *The Impact of Ecological Environment and Humanity to Malaria of Raglai and Trinh people in Khanh Phu commune - Khanh Hoa* (Sự tác động về môi trường sinh thái và nhân văn đến bệnh sốt rét của người Raglai và người Trinh ở xã Khánh Phú- Khánh Hòa), Bài trình bày tại Hội thảo Quốc tế về “Vấn đề sốt rét của khí và người”, tại Viện Khoa học Tự nhiên và Nhân Văn, Đại học Kyoto, Nhật Bản vào ngày 18/9/2010.
- [18]. Viện Dân tộc học, 1994. *Các Dân tộc ít người ở Việt Nam* (Các tỉnh phía Nam), Nxb KHXH, Hà Nội.

Một số hình ảnh minh họa



H.1. Nhà sàn truyền thống của Raglai ở xã Khánh Phú – Khánh Hòa.



H.2. Hoạt động kinh tế nương rẫy của người Raglai ở Khánh Hòa.



H.3. Rừng của người Raglai ở Khánh Phú – Khánh Hòa



H.4. Xe chở gỗ của Công Ty Lâm Sản Khánh Hòa ở rừng Raglai xã Khánh Phú –Khánh Hòa.